

Số: ~~156~~/BC-UBND

Tuy Phước, ngày 18 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác GPMB dự án
mở rộng Quốc lộ 1 trên địa bàn huyện Tuy Phước**

Thực hiện Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc thành lập Đoàn công tác liên ngành kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các thủ tục đối với các địa phương bị ảnh hưởng GPMB dự án mở rộng Quốc lộ trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Qua thời gian triển khai thực hiện dự án trong công tác bồi thường GPMB và xây dựng CSHT khu các tái định cư, đến nay cơ bản đã thông bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư thi công, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư và giao đất cho các hộ giải tỏa trắng xây dựng nhà ở. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc cần tập trung xử lý dứt điểm trong thời gian đến; UBND huyện Tuy Phước báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. VỐN BOT

1. Về tình hình phê duyệt, chuyển vốn và chi trả:

- Tổng giá trị đã phê duyệt sau khi điều chỉnh (39 đợt): 217,705 tỷ đồng.

Trong đó: đền bù 03 khu tái định cư: 14,911 tỷ đồng (gồm, xã Phước Lộc: 6,083 tỷ đồng; thị trấn Tuy Phước: 8,828 tỷ đồng).

- Sở Giao thông đã chuyển: 199,595 tỷ đồng.

Trong đó: Đã chi trả: 194,401 tỷ đồng; còn lại: 5,194 tỷ đồng (gồm, chi bồi thường 3,413 tỷ đồng và chi phí GPMB 1,781 tỷ đồng).

- Tổng số kinh phí còn lại Sở Giao thông chưa chuyển theo phương án phê duyệt: **18,110 tỷ đồng**. Các trường hợp còn lại chưa chi trả, gồm:

+) 58 trường hợp phía Tây QL1, thôn Mỹ Điền: 7,950 tỷ đồng (gồm 53 trường hợp ảnh hưởng 1 phần và 05 trường hợp ảnh hưởng cây cối hoa màu).

+) Kênh tiếp nước Quy Nhơn: 6,635 tỷ đồng; hỗ trợ tiền đóng giếng 59 trđ;

+) Chi phí GPMB 2,355 tỷ đồng và các trường hợp bổ sung.

2. Về thanh quyết toán kinh phí bồi thường GPMB:

Đã thực hiện quyết toán kinh phí bồi thường GPMB với Sở Giao thông, với tổng số 175,756 tỷ đồng/ 194,401 tỷ đồng, còn lại chưa quyết toán 18,645 tỷ đồng. Sở dĩ, chưa quyết toán số kinh phí này là do đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ và kiểm tra, rà soát lại các phương án đã phê duyệt, phương án điều chỉnh, phương án hủy để đối chiếu cho chính xác theo từng đợt mà Sở Giao thông đã chuyển kinh phí.

(Chi tiết có Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo)

3. Về hoàn ứng kinh phí bồi thường GPMB các khu tái định cư:

Để có nguồn kinh phí chi trả bồi thường GPMB tại các khu tái định cư, Ban bồi thường đã tạm mượn nguồn vốn BOT để chi trả GPMB, với tổng số tiền 14,911 tỷ đồng, còn kinh phí đầu tư xây dựng CSHT tại các khu tái định cư thì đến nay chưa thanh toán cho đơn vị thi công. Dự kiến thu tiền sử dụng đất của các hộ tái định cư và

đầu giá QSD đất đối với các lô đất còn lại để hoàn trả kinh phí tạm ứng nhưng hiện nay chưa thu được tiền sử dụng đất của các hộ giải tỏa trắng vì mới có quyết định giao đất, đã lập thủ tục kê khai gửi Chi cục thuế để ra thông báo nộp tiền sử dụng đất; đồng thời, chỉ đạo các ngành lập thủ tục trình UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm theo giá thị trường để đầu giá QSD đất đối với các lô đất còn lại tại các khu tái định cư xã Phước Hưng và thị trấn Tuy Phước.

II. VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ

Tổ chức triển khai đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 03 khu tái định cư (*Phước Hưng; Phước Lộc và thị trấn Tuy Phước*) đảm bảo mặt bằng và giao đất tái định cư cho các hộ giải tỏa trắng; cụ thể như sau:

1. Khu tái định cư Phước Hưng (vốn trái phiếu Chính phủ)

a) Cơ sở pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Điểm tái định cư Phước Hưng - Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1;

Căn cứ Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư và Xây dựng huyện Tuy Phước để xây dựng khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua địa bàn huyện Tuy Phước tại xã Phước Hưng;

Căn cứ Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án ĐTXD và Kế hoạch đấu thầu công trình: Điểm TĐC Phước Hưng - Khu TĐC dự án ĐTXD công trình mở rộng QL 1;

Căn cứ Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán công trình: Điểm tái định cư Phước Hưng - Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1;

Căn cứ Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu để chỉ định thầu thi công xây dựng công trình: Điểm TĐC Phước Hưng - Khu TĐC dự án ĐTXD công trình mở rộng QL 1;

Căn cứ Quyết định số 3019A/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu thi công xây dựng công trình: Điểm tái định cư Phước Hưng - Khu TĐC dự án ĐTXD công trình mở rộng QL1.

b) Về quy hoạch:

Tổng diện tích đất quy hoạch 16.508,9 m² (trong đó, diện tích đất ở 10.916 m², được phân thành 90 lô), gồm 02 điểm tái định cư:

+) Điểm TĐC 1: Đối diện QL1 phía Nam cầu Lũng, diện tích quy hoạch 3.700 m² (trong đó, diện tích đất ở 2.468 m², được phân thành 19 lô đất).

+) Điểm TĐC 2: Phía Nam đường ĐT636B, diện tích quy hoạch 12.808,9 m² (trong đó, diện tích đất ở 8.448 m², được phân thành 71 lô đất).

c) Kết quả thực hiện:

- Tổng dự toán: **13.697.074.000 đồng** (Bao gồm: Chi phí xây dựng: 9.254.188.000 đồng; Chi phí thiết bị 307.927.000 đồng; Chi phí QLDA 182.684.000 đồng; Chi phí tư vấn ĐTXD 552.292.000 đồng; Chi phí khác 177.238.000 đồng; Chi phí bồi thường GPMB 2.175.312.000 đồng; Chi phí dự phòng 1.047.433.000 đồng).

- Chỉ định thầu thi công xây dựng: Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng và Thương mại Yên Tùng, với giá trúng thầu: 7.825.615.000 đồng.

- Hiện nay đơn vị thi công đã thực hiện xong san lấp mặt bằng, hệ thống thoát nước và đường giao thông. Phần hệ thống điện chiếu sáng đã phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, chờ làm xong phần bố vỉa sẽ tiến hành triển khai thi công.

2. Khu tái định cư Phước Lộc (vốn BOT)

a) Cơ sở pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Điểm tái định cư Phước Lộc - Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1;

Căn cứ Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao đất cho Ban Quản lý DAĐT và XD huyện để xây dựng khu TĐC phục vụ dự án mở rộng QL 1 đoạn qua địa bàn huyện Tuy Phước tại xã Phước Lộc;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán công trình: Điểm tái định cư Phước Lộc - Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1;

Căn cứ Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu để chỉ định thầu thi công xây dựng công trình: Điểm TĐC Phước Lộc - Khu TĐC dự án ĐTXD công trình mở rộng QL1;

Căn cứ Quyết định số 3442/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu thi công xây dựng công trình: Điểm TĐC Phước Lộc - Khu TĐC dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1.

b) Về quy hoạch: Khu TĐC Quảng Tín, xã Phước Lộc có tổng diện tích đất quy hoạch 35.000m² (trong đó, đất ở 22.247 m², được phân thành 220 lô đất ở).

c) Kết quả thực hiện:

- Tổng dự toán: **26.067.999.000 đồng** (Bao gồm: Chi phí xây dựng: 18.650.911.000 đồng; Chi phí thiết bị 22.583.000 đồng; Chi phí QLDA 321.128.000 đồng; Chi phí tư vấn ĐTXD 782.373.000 đồng; Chi phí khác 282.866.000 đồng; Chi phí bồi thường GPMB 3.782.152.000 đồng; Chi phí dự phòng 2.025.986.000 đồng).

- Chỉ định thầu thi công xây dựng: Công ty Cổ phần Đại Tin, với giá trúng thầu: 16.788.667.000 đồng.

- Hiện nay đơn vị thi công đã thi công xong phần san nền, nền đường, bó vỉa; hệ thống thoát nước và bê tông mặt đường thực hiện được 80% khối lượng công việc. Phần thi công hệ thống điện: do công ty TNHH Hùng Phát thực hiện, hiện nay đơn vị đã thi công xong, đơn vị tiến hành lắp trạm biến áp đưa vào sử dụng.

3. Khu tái định cư thị trấn Tuy Phước (vốn BOT)

3.1- Điểm tái định cư Mỹ Điền

a) Cơ sở pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Điểm tái định cư Mỹ Điền - Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1;

Căn cứ Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án ĐT và XD huyện để xây dựng khu TĐC phục vụ dự án mở rộng QL 1 đoạn qua địa bàn huyện Tuy Phước tại thị trấn Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án ĐTXD và Kế hoạch đấu thầu công trình: Điểm TĐC Mỹ Điền - Khu TĐC dự án ĐTXD công trình mở rộng QL 1;

Căn cứ Quyết định số 3132/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: Điểm tái định cư Mỹ Điền - Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1;

Căn cứ Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND huyện về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu để chỉ định thầu thi công xây dựng công trình: Điểm tái định cư Mỹ Điền - Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1;

Căn cứ Quyết định số 3386/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu thi công xây dựng công trình: Điểm tái định cư Mỹ Điền - Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1;

b) Về quy hoạch: Điểm tái định cư Mỹ Điền, TT Tuy Phước có tổng diện tích đất quy hoạch 23.000m² (trong đó, đất ở 10.250 m², được phân thành 93 lô đất ở).

c) Kết quả thực hiện:

- Tổng dự toán: **21.745.546.000 đồng** (Bao gồm: Chi phí xây dựng: 15.261.431.000 đồng; Chi phí thiết bị 249.588.000 đồng; Chi phí QLDA 277.284.000 đồng; Chi phí tư vấn ĐTXD 769.500.000 đồng; Chi phí khác 232.239.000 đồng; Chi phí bồi thường GPMB 3.276.500.000 đồng; Chi phí dự phòng 1.679.004.000 đồng).

- Chỉ định thầu thi công xây dựng: Liên danh giữa Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Phương và Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Minh Hiếu, với giá trúng thầu: 13.202.372.000 đồng.

- Hiện nay đơn vị thi công đã thi công xong phần san nền, nền đường, bó vỉa; hệ thống thoát nước và bê tông mặt đường thực hiện được 80% khối lượng công việc. Phần thi công hệ thống điện: do công ty TNHH Hùng Phát thực hiện, hiện nay đơn vị đã thi công xong, đơn vị tiến hành lắp trạm biến áp đưa vào sử dụng.

3.2- Điểm tái định cư Công Chánh

a) Cơ sở pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 14/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Điểm tái định cư Công Chánh - Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1;

Căn cứ Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 07/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án ĐTXD và Kế hoạch đấu thầu công trình: Điểm TĐC Công Chánh - Khu TĐC dự án ĐTXD công trình mở rộng QL 1;

Căn cứ Quyết định số 2945A/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công-dự toán công trình: Điểm tái định cư Công Chánh-Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng QL 1;

Căn cứ Quyết định số 2981A/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của UBND huyện về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu để chỉ định thầu thi công xây dựng công trình: Điểm tái định cư Công Chánh - Khu TĐC dự án ĐTXD công trình mở rộng QL1;

Căn cứ Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu thi công xây dựng công trình: Điểm tái định cư Công Chánh - Khu tái định cư dự án ĐTXD công trình mở rộng QL 1;

b) Về quy hoạch: Điểm TĐC Công Chánh, TT Tuy Phước có tổng diện tích đất quy hoạch 29.145m² (trong đó, đất ở 16.590 m², được chia thành 158 lô đất).

c) Kết quả thực hiện:

- Tổng dự toán: **27.134.969.000 đồng** (Bao gồm: Chi phí xây dựng: 18.286.399.000 đồng; Chi phí thiết bị 265.054.000 đồng; Chi phí QLDA 338.848.000 đồng; Chi phí tư vấn ĐTXD 841.672.000 đồng; Chi phí khác 256.175.000 đồng; Chi phí bồi thường GPMB 5.233.995.000 đồng; Chi phí dự phòng 1.912.826.000 đồng).

- Chỉ định thầu thi công xây dựng: Liên danh giữa Công ty TNHH Xây dựng Tân Thành và Công ty TNHH Hùng Phát, với giá trúng thầu: 17.997.985.000 đồng.

- Hiện nay đơn vị thi công đang tiến hành thi công phần san nền do vướng đường vào bãi vật liệu nên phải đi mua đất bên ngoài để san nền công trình. Đến nay đơn vị thi công đã thi công được 80% khối lượng san nền của công trình.

III. VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Tập trung chỉ đạo Ban bồi thường GPMB, Tổ công tác giải quyết khiếu nại phối hợp các ngành liên quan và địa phương kiểm tra, rà soát đơn thư khiếu nại để trả lời cho công dân. Thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1, tính đến ngày 31/7/2015, UBND huyện đã nhận 172 đơn của 112 hộ (01 vụ tố cáo, 22 vụ khiếu nại, 89 vụ yêu cầu, đề nghị, phản ánh); đã giải quyết xong 93 vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay còn tồn tại 20 vụ yêu cầu, đề nghị, phản ánh, cụ thể:

1. Nhóm đề nghị hỗ trợ tiền thưởng giao trả mặt bằng (01 tập thể và 05 cá nhân) theo văn bản 3345/CV-TH ngày 07/8/2014 của UBND tỉnh: Đối với các trường hợp này đã nhận tiền bồi thường, giao trả mặt bằng và đã tiền thưởng theo văn bản 1129 nhưng không đủ điều kiện hưởng tiền thưởng theo văn bản 3345; qua vận động, giải thích các hộ đã chấp hành và không còn khiếu nại.

2. Nhóm giải tỏa trắng (07 trường hợp) và các trường hợp khác đề nghị xin mua thêm đất tái định cư: Đã chỉ đạo các địa phương trên cơ sở đơn đề nghị của các hộ dân có nhu cầu xin mua thêm về đất ở khẩn trương kiểm tra, rà soát và xác minh từng trường hợp cụ thể như: nhà, đất ở bị thu hồi, số nhân khẩu, cơ sở kinh doanh,... để tổ chức họp xét thực sự có nhu cầu về đất ở; vấn đề này sẽ tổng hợp và có báo cáo đề xuất riêng.

3. Nhóm đề nghị bồi thường dầm móng BTCT (hộ ông Lê Văn Hồi và một số hộ dân): Đối với các trường hợp này đã nhận tiền bồi thường và giao trả mặt bằng nhưng đề nghị bồi thường bổ sung dầm móng BTCT. Việc này, đã chỉ đạo các ngành chức năng đi kiểm tra thực tế và giải thích cho các hộ hiểu, qua kiểm tra các hộ bồi thường còn thiếu đã kiểm kê bổ sung và không còn khiếu nại.

4. Nhóm đề nghị bồi thường và hỗ trợ về đất (02 trường hợp):

- Đối với hộ ông Trần Anh Tuấn ở thôn Phú Mỹ 1, xã Phước Lộc đã nhận tiền bồi thường và giao trả mặt bằng nhưng hộ khiếu nại bồi thường đất đường đi chung

- Đối với hộ ông Hoàng Cát ở tại khu vực vòng xuyên cầu Gành không bị ảnh hưởng GPMB nhưng hộ đề nghị bồi thường đất khai hoang do xã Phước Lộc quản lý.

Hai vấn đề nêu trên, UBND huyện đã chỉ đạo xã Phước Lộc khẩn trương xác định nguồn gốc đất, loại đất, thời gian sử dụng đất để làm cơ sở trả lời cho hộ.

5. Nhóm đề nghị hỗ trợ nâng mặt bằng (01 trường hợp, hộ ông Trần Hình ở thôn Quảng Tín, xã Phước Lộc): Đã nhận tiền bồi thường, giao trả mặt bằng nhưng khi thi công mặt đường Quốc lộ 1 thì cos nền nhà ông thấp hơn mặt đường. Vấn đề này, Ban QLDA đường HCM đã có văn bản gửi Bộ GTVT xin chủ trương xử lý chung trên toàn tuyến, UBND huyện sẽ ban hành văn bản trả lời cho hộ được biết.

6. Nhóm đề nghị bồi thường đất ở không thống nhất bồi thường đất vườn (01 trường hợp, hộ ông Phạm Hữu Tuyết nằm kẹp giữa hành lang đường bộ và đường sắt tại thôn Mỹ Điền, thị trấn Tuy Phước): Vấn đề này đã mời hộ làm việc vận động, giải thích trên cơ sở xác nhận nguồn gốc đất của địa phương nhưng hộ chưa đồng thuận, UBND huyện sẽ ban hành văn bản trả lời cho hộ theo quy định.

7. Nhóm đề nghị bồi thường hết nhà (01 trường hợp, hộ bà Hà Thị Cam): Trường hợp này bị ảnh hưởng 1 phần nhà, Ban bồi thường đã tính toán bồi thường hết gian nhà chính, hỗ trợ sửa chữa mặt đứng nhà và đã được phê duyệt, với số tiền 262.318.000 đồng; hộ đã nhận tiền bồi thường và giao trả mặt bằng (tiền thưởng giao trả mặt bằng chưa chi trả 5 triệu đồng, lý do hộ thuộc diện cưỡng chế tháo dỡ giao trả mặt bằng sau ngày 01/4/2015). Hiện nay, hộ có đơn yêu cầu bồi thường hết nhà, vấn đề này UBND huyện sẽ chỉ đạo các ngành kiểm tra, rà soát về phương án bồi thường và thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 1268/UBND-TH ngày 31/3/2015 để giải quyết và trả lời cho hộ.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI

1. Đối với 58 trường hợp phía Tây QL1, thôn Mỹ Điền (trong đó, có 53 trường hợp giải tỏa trắng): Sau khi được UBND tỉnh đồng ý chủ trương cho giải tỏa trắng tại Công văn số 3722/UBND-TH ngày 06/8/2015, UBND huyện đã tạm giao đất TĐC cho 53 hộ nhưng hiện nay không đủ nguồn kinh phí để chi trả bồi thường GPMB cho các hộ bị ảnh hưởng trong chỉ giới GPMB, với số tiền 7,950 tỷ đồng nên chưa tháo dỡ giao trả mặt bằng cho nhà đầu tư để thi công xây dựng.

2. Đối với hộ bà Trần Thị Tuyết ở thôn Phú Mỹ 1: Mặt tiền nhà hộ bị ảnh hưởng do di dời trụ điện 110KV Quy Nhơn - An Nhơn tại vòng xoay nút giao thông QL19 làm che chắn trước thửa đất ở của hộ nên hộ đề nghị hoán đổi thửa đất khác; vấn đề này, UBND huyện đã có văn bản gửi UBND tỉnh xin chủ trương để làm cơ sở giải quyết cho hộ.

3. Tập trung chỉ đạo Ban GPMB, các ngành liên quan và UBND xã Phước Lộc thông báo và đôn đốc 59 hộ giải tỏa trắng nộp tiền sử dụng đất tái định cư tại khu tái định cư Quảng Tín Phước Lộc vào ngân sách nhà nước.

4. Chỉ đạo các ngành và địa phương khẩn trương xây dựng dự kiến giá khởi điểm theo giá thị trường trình UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá QSD đất ở đối với các lô đất còn lại (sau khi đã giao đất tái định cư) tại các điểm tái định cư Phước Hưng và thị trấn Tuy Phước.

5. Tập trung xử lý việc lấn chiếm đất trái phép của hộ ông Nguyễn Văn Vương ở thôn Quảng Tín, xã Phước Lộc; vận động hộ nhận tiền và giao trả mặt bằng nằm trong khu quy hoạch tái định cư Quảng Tín, Phước Lộc.

6. Chỉ đạo kiểm tra, rà soát lại các phương án đã phê duyệt để trình phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung về tiền thuê nhà, tiền thưởng đẩy nhanh tiến độ đối với các hộ bị cưỡng chế theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

V. KIẾN NGHỊ:

Kính đề nghị UBND tỉnh:

1. Tiếp tục kiến nghị Trung ương hỗ trợ nguồn vốn (17,9 tỷ đồng) để kết hợp nguồn vốn BOT chi trả kịp thời cho 58 hộ bị ảnh hưởng nằm kẹp giữa hành lang đường bộ, đường sắt vì hiện nay ngân sách huyện không đảm bảo để tạm ứng.

2. Chỉ đạo nhà đầu tư, trước mắt cho tạm ứng nguồn kinh phí còn thiếu theo phương án đã phê duyệt để chi trả kịp thời cho các chủ hộ bị thiệt hại; sau khi thu được tiền sử dụng đất của các hộ giải tỏa trắng và đấu giá QSD đất ở các lô đất còn lại sẽ hoàn ứng cho nhà đầu tư về kinh phí GPMB tại khu tái định cư.

3. Sớm có văn bản cho chủ trương giải quyết đối với hộ bà Trần Thị Tuyết ở thôn Phú Mỹ 1, xã Phước Lộc do di dời trụ điện 110KV làm che chắn trước thửa đất ở của hộ nên hộ đề nghị hoán đổi thửa đất khác.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác GPMB dự án mở rộng QL1, kính báo cáo UBND tỉnh và Đoàn công tác xem xét cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn công tác liên ngành (báo cáo);
- PCT UBND huyện (đ/c Thuận);
- Các thành phần dự hợp;
- Lưu: VT. vt

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Thuận

TỔNG HỢP
TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT VÀ ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB TỪ NGUỒN VỐN BOT
ĐÓN QUA ĐỊA BÀN XÃ PHƯỚC LỘC VÀ THỊ TRẤN TUY PHƯỚC

Đơn vị tính: đồng

TT	ĐỢT PHÊ DUYỆT	SỐ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT	ĐỊA CHỈ	TỔNG SỐ KINH PHÍ PHÊ DUYỆT BAN ĐẦU	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ KINH PHÍ SAU ĐIỀU CHỈNH	TRONG ĐÓ	
					KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	CHI PHÍ GPMB		KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	CHI PHÍ GPMB		KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	CHI PHÍ GPMB
1	2	3	4	5 = (6+7)	6	7	8 = (9+10)	9	10	11=(12+13)	12	13
A	THỊ TRẤN TUY PHƯỚC (I+II)			87.054.508.000	85.349.731.000	1.704.777.000	-27.189.283.000	-26.663.841.000	-525.442.000	59.865.225.000	58.685.890.000	1.179.335.000
I	TUYẾN ĐƯỜNG			77.834.428.000	76.308.757.000	1.525.671.000	-26.797.517.000	-26.272.075.000	-525.442.000	51.036.911.000	50.036.682.000	1.000.229.000
1	Đợt 1	307; ngày 10/3/2014	Mỹ Điền	75.049.000	73.578.000	1.471.000	0			75.049.000	73.578.000	1.471.000
2	Đợt 9	1399; ngày 11/6/2014	Mỹ Điền	10.652.882.000	10.444.002.000	208.880.000	0			10.652.882.000	10.444.002.000	208.880.000
3	Đợt 11	1614; ngày 27/6/2014	Mỹ Điền	14.620.404.000	14.332.049.000	288.355.000	-54.429.000	-54.429.000		14.565.975.000	14.277.620.000	288.355.000
4	Đợt 15	1913; ngày 16/7/2014	Mỹ Điền	40.098.000	39.312.000	786.000	0			40.098.000	39.312.000	786.000
5	Đợt 17	2023; ngày 31/7/2014	Mỹ Điền	5.583.589.000	5.474.107.000	109.482.000	0			5.583.589.000	5.474.107.000	109.482.000
6	Đợt 18	2024; ngày 31/7/2014	Mỹ Điền	26.510.917.000	25.991.095.000	519.822.000	-26.510.917.000	-25.991.095.000	-519.822.000	0	0	0
7	Đợt 23	2141; ngày 11/8/2014	Mỹ Điền	4.870.393.000	4.774.895.000	95.498.000	-163.850.000	-159.570.000	-4.280.000	4.706.543.000	4.615.325.000	91.218.000
8	Đợt 26	2861; ngày 07/10/2014	Mỹ Điền	1.689.454.000	1.656.327.000	33.127.000	0			1.689.454.000	1.656.327.000	33.127.000
9	Đợt 27	2860; ngày 07/10/2014	Mỹ Điền	1.200.781.000	1.177.236.000	23.545.000	0			1.200.781.000	1.177.236.000	23.545.000
10	Đợt 28	2953; ngày 13/10/2014	Mỹ Điền	10.120.000	10.120.000		0			10.120.000	10.120.000	0
11	Đợt 30	3113; ngày 31/10/2014	Mỹ Điền	1.009.761.000	989.962.000	19.799.000	-68.321.000	-66.981.000	-1.340.000	941.440.000	922.981.000	18.459.000
12	Đợt 34	4801; ngày 31/12/2014	Mỹ Điền	8.600.391.000	8.431.756.000	168.635.000	0			8.600.391.000	8.431.756.000	168.635.000
13	Đợt 36	757; ngày 17/3/2014	Mỹ Điền	2.970.589.000	2.914.318.000	56.271.000	0			2.970.589.000	2.914.318.000	56.271.000
II	KHU TÁI ĐỊNH CƯ			9.220.080.000	9.040.974.000	179.106.000	-391.766.000	-391.766.000	0	8.828.314.000	8.649.208.000	179.106.000
1	Đợt 3	573; ngày 26/4/2014	Mỹ Điền	2.803.666.000	2.748.692.000	54.974.000	0			2.803.666.000	2.748.692.000	54.974.000
2	Đợt 4	991; ngày 12/5/2014	Công Chánh	4.268.139.000	4.184.450.000	83.689.000	-391.766.000	-391.766.000		3.876.373.000	3.792.684.000	83.689.000
3	Đợt 11	1614; ngày 27/6/2014	Mỹ Điền	85.691.000	85.691.000		0			85.691.000	85.691.000	0
4	Đợt 15	1913; ngày 16/7/2015	Mỹ Điền+ CC	2.062.584.000	2.022.141.000	40.443.000	0			2.062.584.000	2.022.141.000	40.443.000
B	XÃ PHƯỚC LỘC (I+II)			168.926.612.000	165.766.797.000	3.159.815.000	-11.086.959.000	-10.883.876.000	-203.083.000	157.839.653.000	154.882.921.000	2.956.732.000
I	TUYẾN ĐƯỜNG			161.416.729.000	158.420.697.000	2.996.032.000	-9.659.756.000	-9.504.524.000	-155.232.000	151.756.973.000	148.916.173.000	2.840.800.000
1	Đợt 1	307; ngày 10/3/2014	Trung Thành	2.487.961.000	2.439.177.000	48.784.000	-1.742.949.000	-1.742.949.000		745.012.000	696.228.000	48.784.000

TT	ĐỢT PHÊ DUYỆT	SỐ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT	ĐỊA CHỈ	TỔNG SỐ KINH PHÍ PHÊ DUYỆT BAN ĐẦU	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ KINH PHÍ SAU ĐIỀU CHỈNH	TRONG ĐÓ	
					KINH PHÍ BÒI THƯỜNG	CHI PHÍ GPMB		KINH PHÍ BÒI THƯỜNG	CHI PHÍ GPMB		KINH PHÍ BÒI THƯỜNG	CHI PHÍ GPMB
2	Đợt 2	572; ngày 26/4/2014	QTin-Tr.Thành	5.965.789.000	5.848.813.000	116.976.000	0			5.965.789.000	5.848.813.000	116.976.000
3	Đợt 5	1006; ngày 13/5/2014	Đại Tín	5.984.640.000	5.867.294.000	117.346.000	0			5.984.640.000	5.867.294.000	117.346.000
4	Đợt 7	1397; ngày 11/6/2014	Phú Mỹ 2	7.945.651.000	7.789.854.000	155.797.000	0			7.945.651.000	7.789.854.000	155.797.000
5	Đợt 8	1396; ngày 11/6/2014	Quảng Tín	2.606.728.000	2.555.616.000	51.112.000	0			2.606.728.000	2.555.616.000	51.112.000
6	Đợt 10	1398; ngày 11/6/2014	Phú Mỹ 1	30.877.484.000	30.272.043.000	605.441.000	-1.861.800.000	-1.736.150.000	-125.650.000	29.015.684.000	28.535.893.000	479.791.000
7	Đợt 12	1619; ngày 30/6/2014	Phú Mỹ 1	51.003.099.000	50.003.038.000	1.000.061.000	-3.955.195.000	-3.955.195.000		47.047.904.000	46.047.843.000	1.000.061.000
8	Đợt 13	2021; ngày 31/7/2014	Quảng Tín	998.047.000	978.477.000	19.570.000	0			998.047.000	978.477.000	19.570.000
9	Đợt 14	1904; ngày 16/7/2014	Phú Mỹ 1	8.461.097.000	8.295.193.000	165.904.000	-37.574.000	-37.574.000		8.423.523.000	8.257.619.000	165.904.000
10	Đợt 16	2022; ngày 31/7/2014	Phú Mỹ 2	835.191.000	818.815.000	16.376.000	0			835.191.000	818.815.000	16.376.000
11	Đợt 19	2071; ngày 04/8/2014	ĐTín+Tr.Thành	1.895.423.000	1.858.258.000	37.165.000	0			1.895.423.000	1.858.258.000	37.165.000
12	Đợt 20	2070; ngày 04/8/2015	Quảng Tín	1.220.476.000	1.220.476.000	0	0			1.220.476.000	1.220.476.000	0
13	Đợt 21	2142; ngày 11/8/2014	Phú Mỹ 1	7.792.615.000	7.639.819.000	152.796.000	-742.908.000	-742.908.000		7.049.707.000	6.896.911.000	152.796.000
14	Đợt 24	2447; ngày 05/9/2014	Phú Mỹ 1	6.466.146.000	6.339.359.000	126.787.000	198.894.000	198.894.000		6.665.040.000	6.538.253.000	126.787.000
15	Đợt 25	2722; ngày 24/9/2014	Phú Mỹ 1	3.813.492.000	3.738.718.000	74.774.000	-9.548.000	-9.548.000		3.803.944.000	3.729.170.000	74.774.000
16	Đợt 28	2953; ngày 13/10/2014	Phú Mỹ 2+ QT	3.835.653.000	3.760.246.000	75.407.000	-571.530.000	-541.948.000	-29.582.000	3.264.123.000	3.218.298.000	45.825.000
17	Đợt 29	2954; ngày 13/10/2014	Đại Tín+ QT	3.385.317.000	3.334.114.000	51.203.000	0			3.385.317.000	3.334.114.000	51.203.000
18	Đợt 31	3114; ngày 31/10/2014	Quảng Tín	1.406.939.000	1.379.352.000	27.587.000	-250.818.000	-250.818.000		1.156.121.000	1.128.534.000	27.587.000
19	Đợt 33	3433; ngày 11/12/2014	Quảng Tín	751.321.000	736.589.000	14.732.000	-686.328.000	-686.328.000		64.993.000	50.261.000	14.732.000
20	Đợt 35	189; ngày 27/01/2015	Phú Mỹ 1	4.391.000.000	4.304.902.000	86.098.000	0			4.391.000.000	4.304.902.000	86.098.000
21	Đợt 37	828; ngày 23/3/2015	Đại Tín	1.460.514.000	1.431.876.000	28.638.000	0			1.460.514.000	1.431.876.000	28.638.000
22	Đợt 38	2948; ngày 25/6/2015	Phú Mỹ 1	6.634.771.000	6.634.771.000	0	0			6.634.771.000	6.634.771.000	0
23	Đợt 39	2903; ngày 23/6/2015	Phú Mỹ 1	1.197.375.000	1.173.897.000	23.478.000	0			1.197.375.000	1.173.897.000	23.478.000
II	KHU TÁI ĐỊNH CƯ			7.509.883.000	7.346.100.000	163.783.000	-1.427.203.000	-1.379.352.000	-47.851.000	6.082.680.000	5.966.748.000	115.932.000
1	Đợt 6	1210; ngày 27/5/2014	Quảng Tín	3.519.665.000	3.450.652.000	69.013.000	0			3.519.665.000	3.450.652.000	69.013.000
2	Đợt 20	2070; ngày 04/8/2014	Quảng Tín	2.128.443.000	2.062.778.000	65.665.000	-20.264.000	-20.264.000		2.108.179.000	2.062.778.000	45.401.000
3	Đợt 22	2137; ngày 08/8/2014	Quảng Tín	1.406.939.000	1.379.352.000	27.587.000	-1.406.939.000	-1.379.352.000	-27.587.000	0	0	0
4	Đợt 31	3114; ngày 31/10/2014	Quảng Tín	318.403.000	318.403.000	0	0			318.403.000	318.403.000	0
5	Đợt 32	3115; ngày 31/10/2014	Quảng Tín	77.433.000	75.915.000	1.518.000	0			77.433.000	75.915.000	1.518.000
6	Đợt 38	2948; ngày 25/6/2015	Phú Mỹ 1	59.000.000	59.000.000	0	0			59.000.000	59.000.000	0
TỔNG CỘNG (A+B)				255.981.120.000	251.116.528.000	4.864.592.000	-38.276.242.000	-37.547.717.000	-728.525.000	217.704.878.000	213.568.811.000	4.136.067.000



TỔNG HỢP

**TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT, CHUYỂN VỐN VÀ CHI TRẢ KINH PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB
TỪ NGUỒN VỐN BỐT ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN XÃ PHƯỚC LỘC VÀ THỊ TRẤN TUY PHƯỚC**

Đơn vị tính: đồng

TT	ĐỢT PHÊ DUYỆT	SỐ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT	ĐỊA CHỈ	TỔNG SỐ KINH PHÍ PHÊ DUYỆT SAU ĐIỀU CHỈNH	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ KINH PHÍ SỞ GIAO THÔNG ĐÃ CHUYỂN	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ KINH PHÍ ĐÃ CHI TRẢ	TỔNG SỐ KINH PHÍ ĐÃ QUYẾT TOÁN SỔ GT
					KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	CHI PHÍ GPMB		KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	CHI PHÍ GPMB		
1	2	3	4	5=(6+7)	6	7	8=(9+10)	9	10	11	12
A	THỊ TRẤN TUY PHƯỚC (I+II)			59.865.225.000	58.685.890.000	1.179.335.000	77.713.548.000	0	0	51.531.920.000	45.094.552.000
I	TUYẾN ĐƯỜNG			51.036.911.000	50.036.682.000	1.000.229.000	68.554.034.000	0	0	42.883.499.000	36.446.131.000
1	Đợt 1	307; ngày 10/3/2014	Mỹ Điền	75.049.000	73.578.000	1.471.000	73.578.000			73.578.000	73.578.000
2	Đợt 9	1399; ngày 11/6/2014	Mỹ Điền	10.652.882.000	10.444.002.000	208.880.000	10.548.442.000			10.443.002.000	10.416.002.000
3	Đợt 11	1614; ngày 27/6/2014	Mỹ Điền	14.565.975.000	14.277.620.000	288.355.000	14.476.226.000			14.120.563.000	14.043.563.000
4	Đợt 15	1913; ngày 16/7/2014	Mỹ Điền	40.098.000	39.312.000	786.000	40.099.000			40.099.000	40.099.000
5	Đợt 17	2023; ngày 31/7/2014	Mỹ Điền	5.583.589.000	5.474.107.000	109.482.000	5.528.848.000			5.474.107.000	5.464.107.000
6	Đợt 18	2024; ngày 31/7/2014	Mỹ Điền	0	0	0	25.544.806.000				
7	Đợt 23	2141; ngày 11/8/2014	Mỹ Điền	4.706.543.000	4.615.325.000	91.218.000				4.774.505.000	4.774.505.000
8	Đợt 26	2861; ngày 07/10/2014	Mỹ Điền	1.689.454.000	1.656.327.000	33.127.000				1.656.301.000	1.634.277.000
9	Đợt 27	2860; ngày 07/10/2014	Mỹ Điền	1.200.781.000	1.177.236.000	23.545.000				1.177.236.000	
10	Đợt 28	2953; ngày 13/10/2014	Mỹ Điền	10.120.000	10.120.000	0				925.748.000	
11	Đợt 30	3113; ngày 31/10/2014	Mỹ Điền	941.440.000	922.981.000	18.459.000	999.862.000			922.981.000	
12	Đợt 34	4801; ngày 31/12/2014	Mỹ Điền	8.600.391.000	8.431.756.000	168.635.000	8.516.073.000			690.131.000	
13	Đợt 36	757; ngày 17/3/2014	Mỹ Điền	2.970.589.000	2.914.318.000	56.271.000	2.826.100.000			2.585.248.000	
II	KHU TÁI ĐỊNH CƯ			8.828.314.000	8.649.208.000	179.106.000	9.159.514.000	0	0	8.648.421.000	8.648.421.000
1	Đợt 3	573; ngày 26/4/2014	Mỹ Điền	2.803.666.000	2.748.692.000	54.974.000	2.788.823.000			2.748.692.000	2.748.692.000
2	Đợt 4	991; ngày 12/5/2014	Công Chánh	3.876.373.000	3.792.684.000	83.689.000	4.243.032.000			3.792.684.000	3.792.684.000
3	Đợt 11	1614; ngày 27/6/2014	Mỹ Điền	85.691.000	85.691.000	0	85.691.000			85.691.000	85.691.000
4	Đợt 15	1913; ngày 16/7/2015	Mỹ Điền+ CC	2.062.584.000	2.022.141.000	40.443.000	2.041.968.000			2.021.354.000	2.021.354.000
B	XÃ PHƯỚC LỘC (I+II)			157.839.653.000	154.882.921.000	2.956.732.000	121.881.817.000	0	0	142.869.334.000	130.661.699.000
I	TUYẾN ĐƯỜNG			151.756.973.000	148.916.173.000	2.840.800.000	118.382.856.000	0	0	136.939.718.000	125.220.788.000
1	Đợt 1	307; ngày 10/3/2014	Trung Thành	745.012.000	696.228.000	48.784.000	2.439.177.000			696.228.000	696.228.000

TT	ĐỢT PHÊ DUYỆT	SỐ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT	ĐỊA CHỈ	TỔNG SỐ KINH PHÍ PHÊ DUYỆT SAU ĐIỀU CHỈNH	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ KINH PHÍ SỔ GIAO THÔNG ĐÃ CHUYÊN	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ KINH PHÍ ĐÃ CHI TRẢ	TỔNG SỐ KINH PHÍ ĐÃ QUYẾT TOÁN SỔ GT
					KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	CHI PHÍ GPMB		KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	CHI PHÍ GPMB		
1	2	3	4	5=(6+7)	6	7	8=(9+10)	9	10	11	12
2	Đợt 2	572; ngày 26/4/2014	QTin-Tr.Thành	5.965.789.000	5.848.813.000	116.976.000	4.191.256.000			5.834.463.000	5.832.183.000
3	Đợt 5	1006; ngày 13/5/2014	Đại Tín	5.984.640.000	5.867.294.000	117.346.000	5.952.956.000			5.785.795.000	5.782.822.000
4	Đợt 7	1397; ngày 11/6/2014	Phú Mỹ 2	7.945.651.000	7.789.854.000	155.797.000	7.867.752.000			7.198.991.000	7.198.301.000
5	Đợt 8	1396; ngày 11/6/2014	Quảng Tín	2.606.728.000	2.555.616.000	51.112.000	2.581.172.000			2.351.731.000	2.351.731.000
6	Đợt 10	1398; ngày 11/6/2014	Phú Mỹ 1	29.015.684.000	28.535.893.000	479.791.000	30.574.763.000			28.479.628.000	28.337.891.000
7	Đợt 12	1619; ngày 30/6/2014	Phú Mỹ 1	47.047.904.000	46.047.843.000	1.000.061.000	50.503.068.000			45.532.008.000	42.630.354.000
8	Đợt 13	2021; ngày 31/7/2014	Quảng Tín	998.047.000	978.477.000	19.570.000	988.262.000			973.679.000	973.679.000
9	Đợt 14	1904; ngày 16/7/2014	Phú Mỹ 1	8.423.523.000	8.257.619.000	165.904.000	8.378.145.000			8.235.664.000	7.809.561.000
10	Đợt 16	2022; ngày 31/7/2014	Phú Mỹ 2	835.191.000	818.815.000	16.376.000	558.354.000			818.815.000	818.815.000
11	Đợt 19	2071; ngày 04/8/2014	ĐTin+Tr.Thành	1.895.423.000	1.858.258.000	37.165.000				1.830.974.000	1.830.974.000
12	Đợt 20	2070; ngày 04/8/2015	Quảng Tín	1.220.476.000	1.220.476.000	0					
13	Đợt 21	2142; ngày 11/8/2014	Phú Mỹ 1	7.049.707.000	6.896.911.000	152.796.000				6.856.911.000	6.828.911.000
14	Đợt 24	2447; ngày 05/9/2014	Phú Mỹ 1	6.665.040.000	6.538.253.000	126.787.000				6.420.400.000	5.216.398.000
15	Đợt 25	2722; ngày 24/9/2014	Phú Mỹ 1	3.803.944.000	3.729.170.000	74.774.000				3.581.747.000	3.201.233.000
16	Đợt 28	2953; ngày 13/10/2014	Phú Mỹ 2+ QT	3.264.123.000	3.218.298.000	45.825.000				3.095.416.000	2.643.422.000
17	Đợt 29	2954; ngày 13/10/2014	Đại Tín+ QT	3.385.317.000	3.334.114.000	51.203.000				2.560.115.000	1.941.964.000
18	Đợt 31	3114; ngày 31/10/2014	Quảng Tín	1.156.121.000	1.128.534.000	27.587.000				1.128.534.000	1.126.321.000
19	Đợt 33	3433; ngày 11/12/2014	Quảng Tín	64.993.000	50.261.000	14.732.000				50.261.000	
20	Đợt 35	189; ngày 27/01/2015	Phú Mỹ 1	4.391.000.000	4.304.902.000	86.098.000	4.347.951.000			4.092.056.000	
21	Đợt 37	828; ngày 23/3/2015	Đại Tín	1.460.514.000	1.431.876.000	28.638.000				725.048.000	
22	Đợt 38	2948; ngày 25/6/2015	Phú Mỹ 1	6.634.771.000	6.634.771.000	0					
23	Đợt 39	2903; ngày 23/6/2015	Phú Mỹ 1	1.197.375.000	1.173.897.000	23.478.000				691.254.000	
II	KHU TÁI ĐỊNH CƯ			6.082.680.000	5.966.748.000	115.932.000	3.498.961.000	0	0	5.929.616.000	5.440.911.000
1	Đợt 6	1210; ngày 27/5/2014	Quảng Tín	3.519.665.000	3.450.652.000	69.013.000	3.498.961.000			3.450.652.000	3.450.652.000
2	Đợt 20	2070; ngày 04/8/2014	Quảng Tín	2.108.179.000	2.062.778.000	45.401.000				2.084.646.000	1.990.259.000
3	Đợt 22	2137; ngày 08/8/2014	Quảng Tín	0	0	0					
4	Đợt 31	3114; ngày 31/10/2014	Quảng Tín	318.403.000	318.403.000	0				318.403.000	
5	Đợt 32	3115; ngày 31/10/2014	Quảng Tín	77.433.000	75.915.000	1.518.000				75.915.000	
6	Đợt 38	2948; ngày 25/6/2015	Phú Mỹ 1	59.000.000	59.000.000	0					
TỔNG CỘNG (A+B)				217.704.878.000	213.568.811.000	4.136.067.000	199.595.365.000	0	0	194.401.254.000	175.756.251.000